

THÔNG BÁO

V/v **Kê khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp năm 2025**

Kính gửi: Các cơ sở thuộc đối tượng chịu phí ⁽¹⁾

Căn cứ Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/05/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 9921/UBND-VP ngày 14/9/2020 về việc tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh; theo đó UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp đối với các cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý về thủ tục môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường và của UBND tỉnh;

Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị các đơn vị thuộc đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện:

I. Đối với các cơ sở có tổng lượng nước thải trung bình trong năm dưới 20m³/ngày đêm (24 giờ)

Tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020, quy định mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của cơ sở có tổng lượng nước thải trung bình trong năm dưới 20 m³/ngày (24 giờ) áp dụng phí cố định tính theo khối lượng nước thải phát sinh (không áp dụng mức phí biến đổi) kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 trở đi, áp dụng theo Biểu sau:

Số TT	Lưu lượng nước thải bình quân (m ³ /ngày)	Mức phí (đồng/năm)
1	Dưới 5	2.500.000
2	Từ 5 đến dưới 10	3.000.000
3	Từ 10 đến dưới 20	4.000.000

⁽¹⁾ Đối tượng chịu phí theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/05/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

1. Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Đơn vị truy cập vào đường link: thuphinocthai.sotnmt.baria-vungtau.gov.vn kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp năm 2025 vào một trong hai số tài khoản của Sở Tài nguyên và Môi trường trước **ngày 31/03/2025**

2. Để có cơ sở thẩm định Tờ kê khai nộp phí, đảm bảo tính chính xác của việc kê khai, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị các đơn vị kê khai và gửi kèm theo Tờ khai nộp phí, gồm:

- Thông tin chung của tờ khai: Đề nghị đơn vị kê khai đúng và đầy đủ các nội dung trong mục thông tin chung của doanh nghiệp, đối với các nội dung: Lĩnh vực sản xuất, chế biến; lượng nước sử dụng trung bình hàng ngày (m^3); Phương pháp xử lý nước thải; Lượng nước thải trung bình trong năm tính phí ($m^3/ngày\ đêm$), đề nghị đơn vị kê khai phù hợp với nội dung hồ sơ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đính kèm hồ sơ môi trường lên phần mềm (*báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường, giấy xác nhận hoàn thành...*).

- Kết quả thực tế của đồng hồ, thiết bị đo lưu lượng hoặc Hóa đơn tiền nước (*12 tháng gần nhất*), hồ sơ, chứng từ chứng minh lưu lượng xả thải

- Trong trường hợp đơn vị có nhiều cơ sở, đề nghị đơn vị lập Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp năm 2025 cho từng cơ sở.

II. Đối với cơ sở sản xuất, chế biến có tổng lượng nước thải trung bình trong năm tính phí từ $20m^3/ngày\ đêm$ trở lên

1. Định kỳ hàng quý (*trước ngày 20 hàng tháng của quý tiếp theo*), Đơn vị truy cập vào đường link: thuphinocthai.sotnmt.baria-vungtau.gov.vn để **kê khai và nộp phí**⁽²⁾ bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo quy định; Nộp đúng, đủ, kịp thời theo quy định của Pháp luật⁽³⁾; **Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ ra thông báo nộp bổ sung trong trường hợp số phí phải nộp khác với số phí người nộp phí đã kê khai**⁽⁴⁾

2. Để có cơ sở thẩm định Tờ kê khai nộp phí, đảm bảo tính chính xác của việc kê khai, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị các đơn vị kê khai và gửi kèm theo Tờ khai nộp phí, gồm:

⁽²⁾Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP quy định: “Đối với các cơ sở có lượng nước thải trung bình trong năm tính phí từ $20m^3/ngày\ đêm$ trở lên: Hàng quý, chậm nhất là ngày 20 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo, người nộp phí kê khai phí (theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này) với tổ chức thu phí và nộp phí vào tài khoản “Tam thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp” của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc nhà nước; nộp bổ sung theo Thông báo của tổ chức thu phí (nếu có) trong thời hạn 10 ngày kể từ khi có thông báo.

⁽³⁾ Quyền và trách nhiệm của người nộp phí, lệ phí theo quy định tại Điều 15 Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội

⁽⁴⁾ Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP quy định: “... Trường hợp số phí bảo vệ môi trường phải nộp khác với số phí người nộp phí đã kê khai thì ra thông báo nộp bổ sung (theo mẫu số 03 phụ lục kèm theo nghị định này) ...”

2.1 Thông tin chung của tờ khai

Đề nghị đơn vị kê khai đúng và đầy đủ các nội dung trong mục thông tin chung của doanh nghiệp, đối với các nội dung: Lĩnh vực sản xuất, chế biến; lượng nước sử dụng trung bình hàng ngày (m^3); Phương pháp xử lý nước thải; Lượng nước thải trung bình trong năm tính phí ($m^3/ngày\ đêm$), đề nghị đơn vị kê khai phù hợp với nội dung hồ sơ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đính kèm hồ sơ môi trường lên phần mềm (*báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường, giấy xác nhận hoàn thành...*).

2.2 Đối với cơ sở thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định của pháp luật

- Kết quả thực tế của đồng hồ, thiết bị đo lưu lượng (*sổ nhật ký theo dõi lưu lượng, 06 hình ảnh chụp đồng hồ theo dõi lưu lượng xả thải đầu tháng và cuối tháng*); Hóa đơn tiền nước hàng tháng trong quý hoặc thông tin có trong báo cáo giám sát môi trường định kỳ⁽⁵⁾

- Phiếu kết quả phân tích chất lượng nước thải của đơn vị phân tích mẫu chất thải đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường để kê khai, tính phí là số liệu quan trắc nước thải định kỳ 03 tháng /lần. Trường hợp cơ sở có tần suất quan trắc nước thải định kỳ 06 tháng/ lần việc kê khai, tính phí của quý không thực hiện quan trắc căn cứ số liệu quan trắc của quý trước đó. Phiếu kết quả phân tích kê khai, nộp phí, tối đa gồm 06 chỉ tiêu (COD, TSS, Hg, Pb, As, Cd). Thông số ô nhiễm (*thuộc diện phải thực hiện đo đạc, kê khai và tính phí*) được xác định căn cứ vào quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với nước thải hiện hành. Trường hợp nước thải của cơ sở chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng thì căn cứ vào thông số ô nhiễm có trong hồ sơ môi trường (*hồ sơ đã được cơ quan quản lý nhà nước về môi trường phê duyệt, xác nhận*)⁽⁶⁾

2.3 Đối với các cơ sở thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải tự động liên tục theo quy định pháp luật:

- Việc kê khai, tính toán, thẩm định số phí phải nộp được xác định theo từng kỳ 24 giờ, trong đó: hàm lượng các thông số ô nhiễm tính phí và tổng lượng nước thải ra của cơ sở được tính theo giá trị trung bình ngày (24 giờ) của các kết quả đo. Trường hợp thông số ô nhiễm tính phí không thuộc các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục thì hàm lượng các thông số ô nhiễm theo số liệu quan trắc định kỳ⁽⁷⁾

⁽⁵⁾ Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP;

⁽⁶⁾ Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 và điểm c khoản 2 Điều 7 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP;

⁽⁷⁾ Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP;

- Theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 35 Thông tư 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường: “*Trong thời gian thiết bị quan trắc tự động ngưng hoạt động từ 48 tiếng trở lên, chủ cơ sở phải thực hiện quan trắc tối thiểu 01 lần/ ngày đối với các thông số không được đo đạc bằng thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục cho tới khi thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục hoạt động trở lại. Kết quả quan trắc phải được lưu giữ và gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường*”.

- Trường hợp không có dữ liệu kê khai tính phí (*dữ liệu bằng không, mất dữ liệu, không xả thải...*), dữ liệu quan trắc và phiếu phân tích nước thải định kỳ có sự chênh lệch đề nghị Công ty có văn bản giải trình cụ thể.

3. Trường hợp cơ sở có nhiều điểm xả nước thải, phí biến đổi của cơ sở là tổng số phí biến đổi được xác định tại mỗi điểm xả nước thải⁽⁸⁾

III. Thông tin nộp phí

1. Quý đơn vị nộp số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp vào một trong hai số tài khoản của Sở Tài nguyên và Môi trường theo nội dung như sau:

1.1. Tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Tên đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Mã ĐVQHNS: 1062396

- Tài khoản số: 3511.0.1062396

- Nội dung nộp: Tên đơn vị nộp phí; địa chỉ; mã số thuế; nộp phí nước thải công nghiệp quý kê khai, năm kê khai

1.2. Tài khoản tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Bà Rịa ⁽⁹⁾

- Tên đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Tài khoản số: 7610503904

- Nội dung nộp: Tên đơn vị nộp phí; địa chỉ; mã số thuế; nộp phí nước thải công nghiệp quý kê khai, năm kê khai

2. Biên lai thu phí: Sở Tài nguyên và Môi trường xuất biên lai thu phí theo quy định và gửi về địa chỉ email của đơn vị (*mọi thắc mắc liên quan đến biên lai thu phí đề nghị trao đổi tại địa chỉ email: phongkhtc.sotnmtbrvt@gmail.com*)

⁽⁸⁾ Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP;

⁽⁹⁾ Ngày 4/8/2020, UBND tỉnh có Văn bản số 8021/UBND-VP V/v triển khai bổ sung hệ thống thanh toán của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh. Theo đó giao các sở, ngành, địa phương, BIDV chi nhánh Bà Rịa thực hiện thiết lập, kết nối và sử dụng thanh toán trực tuyến của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

IV. Một số lưu ý

- Đề nghị kê khai và nộp phí theo thời gian quy định.

- Đối với các cơ sở không thực hiện kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ xem xét xử lý theo quy định tại Điều 22 Nghị định 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn và Điều 24 Nghị định 49/2016/NĐ-CP ngày 27/05/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn.

Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị các đơn vị triển khai thực hiện. Mọi thắc mắc đề nghị liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường theo địa chỉ: Số 01 đường Phạm Văn Đồng, phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (số điện thoại: 0933 561617 gặp Chị Huyền - Phòng Quản lý Môi trường)./.

Nơi nhận:

- Các cơ sở SX, KD, DV;
- Sở Tài chính;
- Cục thuế tỉnh;
- Sở Công thương;
- Ban Quản lý các KCN;
- Phòng TNMT các huyện, TX, TP;
- Trung tâm CNTT (đăng trên Wb của Sở);
- Phòng KH-TC;
- Lưu: VT, PQLMT (02). (Huyền).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Quốc Đăng